

# Học hợp tác (cooperative learning) trong các lớp học ngoại ngữ

Nguyễn Thị Thủy\*

\*Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội

Received: 2/03/2024; Accepted: 15/03/2024; Published: 25/4/2024

**Abstract:** The paper tries to show the positive effects of cooperative language learning on foreign language learning and teaching. Compared with traditional language teaching, cooperative language learning conforms to the developmental trend of language teaching method and possesses considerable advantages. In the foreign language learning classrooms, cooperative language learning provides students with the necessary academic and social skills. The paper reveals cooperative learning benefits language learning in many aspects, some its principles and some notes for implementation in foreign language teaching and learning.

**Keywords:** Cooperative learning benefits; principles; notes for implementation

## 1. Đặt vấn đề

Ngày nay, tiếng Anh là thứ tiếng thông dụng được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Đó là ngôn ngữ của khoa học kỹ thuật, công nghệ, thương mại và thông tin trên toàn cầu. Tiếng Anh đã trở thành môn học bắt buộc trong hầu hết các trường học ở Việt Nam, đặc biệt là trong các trường đại học. Trong bối cảnh đó, việc tiếp cận toàn diện trong dạy và học tiếng Anh là một yêu cầu vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, khả năng giao tiếp tiếng Anh của phần lớn sinh viên Việt Nam còn hạn chế.

Hiện nay ở Việt Nam, nhiều phương pháp giảng dạy đang được áp dụng nhằm nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên, nổi bật là phương pháp Giảng dạy ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp.

Thực tế, ở phần lớn các trường đại học Việt Nam, số lượng sinh viên trong một lớp học tiếng Anh thường rất đông, dao động từ 40- 70 sinh viên.

Ngoài ra, sinh viên ở các lớp như thế này hầu hết không đồng nhất về trình độ, khác nhau về hoàn cảnh sống, xuất xứ vùng miền, tính cách, sở thích...

Theo Ueda (2005), trong bối cảnh lớp học tiếng Anh đông và không đồng nhất như vậy, nếu áp dụng Giảng dạy ngôn ngữ theo hướng giao tiếp thì dường như nhiều lúc gặp trở ngại.

Bởi vì giáo viên rất khó khăn để bố trí và phân phối thời lượng giao tiếp đồng đều cho toàn bộ sinh viên, do cơ hội để cho từng sinh viên có thể giao tiếp đối diện trực tiếp với giáo viên là hạn chế.

Vì vậy, phương pháp học hợp tác có thể được xem là giải pháp khi có thể đưa đến nhiều cơ hội tương tác và học hỏi giữa sinh viên với nhau, cho phép họ dễ

dàng nhận ra những điểm yếu của mình, học hỏi và hình thành kiến thức của chính họ.

Olsen và Kagan (1992) cũng khẳng định rằng cặp và nhóm hợp tác với nhau cung cấp cho người học nhiều cơ hội giao tiếp và tương tác với nhau, và với giáo viên.

Nếu được tổ chức học hợp tác, sinh viên sẽ quan tâm, chú ý lẫn nhau, và giúp đỡ ủng hộ nhau trong học tập, bởi vì một đặc tính cơ bản của phương pháp này là tính chịu trách nhiệm tham gia hoạt động của mọi thành viên. Đồng thời, học hợp tác nhằm khích lệ việc học của tất cả mọi thành viên trong nhóm, phát huy vai trò hoạt động của mỗi cá nhân

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm về học hợp tác

Các nhà giáo dục đã đưa ra các định nghĩa khác nhau về học hợp tác. Johnson and Holubec (1993) nhận ra rằng học hợp tác là việc sử dụng mô hình các nhóm nhỏ trong lớp học để hướng dẫn dạy và giúp người học hỗ trợ nhau và họ cũng nói rằng: Học hợp tác là hoạt động học nhóm được tổ chức để việc học phụ thuộc vào sự trao đổi thông tin giữa những người học trong nhóm và mỗi người học có thể chịu trách nhiệm về việc học của mình, tạo động lực học cho những người khác.

Hai nhà tâm lý học David và Roger Johnson, đồng thời là các nhà giáo dục học nổi tiếng, những người đã có những đóng góp lớn trong việc nghiên cứu và phát triển phương pháp này đã đưa ra định nghĩa về học tập hợp tác như sau:

“Học tập hợp tác là một loại hình cụ thể của học tập tích cực, là một phương pháp giảng dạy chính

thức, trong đó học sinh làm việc cùng nhau trong các nhóm nhỏ để đạt được một mục tiêu học tập chung.”

## **2.2. Vai trò của học hợp tác trong dạy học tiếng Anh**

### **2.2.1. Học hợp tác giảm sự lo lắng cho người học**

Trong bất kỳ lớp học nào thì việc sợ mắc lỗi của người học luôn tồn tại. Cảm giác đó được Crandall (1999) chỉ ra rằng đó là cảm giác thất bại và thấy mình ngu ngốc trong các lớp học ngôn ngữ, đặc biệt là trong các tình huống khi mà các giáo viên đưa ra các câu hỏi mà chỉ có vài học viên có thể trả lời. Đồng thời, ông cũng đưa ra giải pháp để giảm thiểu nỗi sợ hãi và tăng sự tương tác là bằng cách cho học viên thời gian suy nghĩ, cơ hội để trao đổi trong các nhóm nhỏ cho tới khi họ sẵn sàng thể hiện trước cả lớp. Theo Oxford and Ehrman (1993) thì các giáo viên có thể đưa phương pháp học hợp tác vào tiến trình giảng dạy nhằm giảm sự lo lắng trong lớp học.

### **2.2.2. Học hợp tác tạo động lực học**

Các nhà nghiên cứu đều xem động lực học là nhân tố quan trọng trong việc nâng cao việc học ngoại ngữ bao gồm việc tăng thời gian sử dụng ngôn ngữ và ảnh hưởng tích cực tới sự thành thạo ngôn ngữ đó. Gardner (1993) xem động lực như “nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ”. Việc học hợp tác sẽ làm tăng động lực học cho người học. Theo Dornyei (2001) thì việc khuyến khích hợp tác giữa những người học với nhau là một công cụ hữu hiệu làm tăng động lực học. Ông ấy giải thích thêm về tác động của yếu tố này lên người học “động lực có liên quan đến cách nó tạo ra cảm giác gắn kết và hỗ trợ nhau giữa những người học, tăng mong muốn thành công, tăng trách nhiệm đối với kết quả của cả nhóm”.

### **2.2.3. Học hợp tác tạo sự tự tin và tự trọng**

Đã có rất nhiều nghiên cứu khác nhau về vai trò của học hợp tác trong việc tăng sự tự tin và tự trọng cho người học. Dornyei (2001) nói rằng trong môi trường học tập hợp tác, học viên thường tạo dựng thái độ tích cực hơn, nâng cao sự tự tin và tự trọng hơn. Tương tự, trong cấp bậc nhu cầu, Maslow (1968) cũng cho rằng sự tự trọng có thể được nuôi dưỡng bằng cách tạo môi trường học để học viên có cảm giác an toàn và thuộc về.

## **2.3. Các nguyên tắc trong học hợp tác**

Trong học hợp tác, có một số nguyên tắc nhất định cần tuân thủ khi triển khai trong quá trình dạy và học như sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực, trách nhiệm cá nhân, tương tác nhóm mặt đối mặt, phát triển các kỹ năng xã hội theo nhóm nhỏ.

### **2.3.1. Phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực**

Nguyên tắc đầu tiên mà phân biệt học hợp tác với bất kỳ dạng công việc nhóm khác là sự phụ thuộc một cách tích cực. Phụ thuộc tích cực nghĩa là cảm giác như một người vì mọi người và mọi người vì một người. Nói cách khác, Johnson and Holubec (2002) đã chỉ ra rằng khi học hợp tác cảm giác như mỗi thành viên trong các nhóm đều cố gắng không chỉ cho thành công riêng của mình mà còn vì thành công của những người khác. Theo Johnson (2008), phụ thuộc tích cực chỉ có thể được tìm thấy trong môi trường hợp tác nơi mà các cá nhân nhận thức một điều rằng họ có thể đạt được kết quả chỉ khi các thành viên cùng hợp tác với nhau hướng tới cùng một mục tiêu.

### **2.3.2. Trách nhiệm cá nhân**

Nguyên tắc thứ hai để đảm bảo thành công cho việc học hợp tác là trách nhiệm cá nhân mà theo Kagan (2009) đó là mức độ tham gia của tất cả thành viên của nhóm trong các công việc chung và ông cũng chỉ ra rằng một cách để đảm bảo tất cả các cá nhân tham gia và cố gắng nhiều như có thể là khiến cho mỗi cá nhân có trách nhiệm đóng góp vào công việc nhóm. Coetzee et al.(2008) nghĩ rằng trách nhiệm gắn với thực tế là các người học trong nhóm cần hiểu họ có trách nhiệm nhận thức đúng về học hợp tác và mỗi người phải đảm bảo các thành viên khác cũng rõ nhiệm vụ mà mỗi người trong số họ cần làm để hoàn thành nhiệm vụ đúng kế hoạch.

### **2.3.3. Phát triển các kỹ năng xã hội theo nhóm nhỏ**

Một nguyên tắc khác trong học hợp tác là cần phát triển các kỹ năng xã hội theo nhóm nhỏ. Theo Brody (1998), những kỹ năng này có liên quan đến việc giao tiếp tạo dựng niềm tin, kỹ năng lãnh đạo và quản lý các xung đột. Bennet et al. (1991) chỉ ra rằng sự thành công của các nhóm học hợp tác cần có thêm các kỹ năng về ngôn ngữ, phát triển các kỹ năng xã hội, điều này tạo điều kiện cho sự phát triển công việc nhóm, tạo dựng niềm tin giữa các thành viên và nâng cao các kỹ năng giao tiếp, lãnh đạo, giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định trong tương tác nhóm. Nói cách khác, người học cần học cách làm việc cùng nhau như một khối thống nhất nhằm đạt được mục tiêu chung chẳng hạn như thay phiên nhau, đàm phán, lắng nghe nhau, giúp đỡ và khuyến khích nhau cũng như cách thể hiện đồng ý hay không đồng ý một cách phù hợp.

### **2.3.4. Tương tác nhóm mặt đối mặt**

Một nguyên tắc khác trong học hợp tác đó là nhấn mạnh đến sự tương tác theo nhóm nhỏ. Crandall (1999) nhận thức rằng để tăng sự tương tác giữa các thành viên trong nhóm cần sắp xếp người học theo các cặp hoặc các nhóm gồm 3 đến 6 học viên. Số

lượng này có thể cho phép họ đóng góp công sức và tham gia, còn với những nhóm lớn hơn thì cho phép họ có hội để hỗ trợ nhau. Hơn nữa, vai trò nhóm trong việc thúc đẩy sự tương tác mặt đối mặt cũng phát huy vai trò của mỗi cá nhân, chẳng hạn như một học viên có đóng vai trò như một người hướng dẫn, một người làm lãnh đạo nhóm, một người ghi âm và những người khác có thể là người báo cáo.

#### **2.4. Một số lưu ý khi áp dụng học hợp tác trong dạy và học tiếng Anh**

##### **2.4.1. Đối với giáo viên**

Giáo viên có thể tạo sự hứng thú cho học viên trong việc học theo các nhóm nhỏ bằng cách giúp họ nhận thức những lợi ích và mục tiêu khác nhau ở đầu mỗi bài học hợp tác bởi vì chỉ ra các mục tiêu như vậy sẽ giúp họ hiểu ra những gì mà họ cần làm và giảm sự bất đồng không cần thiết giữa các thành viên trong nhóm. Thêm vào đó, giáo viên có thể biến sự hợp tác đó trở nên hấp dẫn và giảm những xung đột không đáng có mà là thách thức cho sự thành công của học hợp tác chẳng hạn như học viên không thích làm việc theo nhóm, một số học viên thể hiện hách dịch trong khi một số khác thì ngưng ngừng, miễn cưỡng bằng cách cung cấp những nhiệm vụ có thể thực hiện được một cách nhanh chóng và chính xác trong nhóm, lựa chọn các hoạt động theo sở thích và khả năng đặc biệt của các học viên hay miễn cưỡng và đảm bảo rằng tất cả người học đều như họ. Ngoài ra, sẽ tốt hơn nếu các giáo viên có thể thay đổi các cách chia nhóm và không để lúc nào học viên cũng tự lựa chọn thành viên, điều này giúp phát triển kỹ năng xã hội của người học và giúp các học viên yếu hơn có thể học hỏi từ các học trung bình và tốt trong nhóm của họ bởi vì khi học viên chọn bạn cùng nhóm, họ thường chọn bạn của họ mà là những người thường học cùng và nó sẽ làm giảm đi các kỹ năng xã hội. Hơn nữa, giáo viên có thể quản lý tiến độ các nhóm bằng cách di chuyển xung quanh các nhóm bởi vì làm như vậy, học viên có thể hiểu rằng giáo viên của họ đang quan sát sự tham gia, các hành động của họ và kết quả là họ sẽ cần cố gắng hơn để sử dụng ngôn ngữ đích. Một điều nữa là giáo viên có thể khuyến khích các học viên miễn cưỡng tham gia vào công việc nhóm bằng cách sử dụng các cách diễn đạt khuyến khích họ như “I like your contributions and they can be beneficial for other groups” hoặc là “I think that you are collaborating in an intelligent way go on”. Bên cạnh đó, giáo viên có thể tham gia thảo luận các vấn đề mà họ thường đối mặt khi họ áp dụng phương pháp học hợp tác và cố gắng học hợp tác để tìm ra các giải

pháp cho những vấn đề đó và học hỏi kinh nghiệm từ lẫn nhau.

##### **2.4.3. Một số lưu ý đối với học viên**

Học viên có thể tạo ra các nhóm gắn kết bằng cách cố gắng xây dựng hình ảnh của nhóm như đặt tên nhóm bởi vì làm như vậy có thể giúp người học hiểu được rằng họ là một đội, mọi người cần giúp đỡ và hỗ trợ nhau để đạt được kết quả tốt nhất. Ngoài ra, các học viên có thể phát triển mối quan hệ giữa các thành viên nhóm nếu họ thay đổi đồng đội của họ từ lần này tới lần khác bởi vì điều đó làm tăng mức độ tương tác trong lớp học và sẽ hữu ích nếu họ có thể tạo ra các nhóm với các trình độ năng lực và giới tính khác nhau. Hơn thế nữa, các thành viên cùng nhóm có thể hỗ trợ nhau nói và hợp tác trong các nhiệm vụ bằng cách sử dụng những câu diễn đạt có tính khuyến khích như “We really appreciate your contributions” và “We really need your help”. Hơn thế nữa, học viên có thể giảm tiếng ồn trong lớp học nếu họ cố gắng nhắc nhau nói nhỏ hơn và lưu ý các nhiệm vụ để hoàn thành đúng hạn.

### **3. Kết luận**

Phương pháp học tập hợp tác là một trong những phương pháp dạy học tích cực, phát huy được tính tích cực, chủ động của sinh viên. Qua quá trình học tập hợp tác, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng làm việc độc lập trên tinh thần hợp tác để tự hoàn thiện các kiến thức và kỹ năng của mình. Việc thảo luận nhóm, trình bày các giải pháp trước tập thể - nhóm - lớp là cơ hội rèn luyện cách diễn đạt, cách giao tiếp, ứng xử và thể hiện bản lĩnh cá nhân. Vì vậy, để đảm bảo sự thành công trong việc áp dụng phương pháp này, cả người dạy và người học cần nhận thức đúng vai trò, lợi ích của nó, từ đó vận dụng sáng tạo đảm bảo các nguyên tắc của học hợp tác.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Heller, P., and Hollabaugh, M. (1992). *Teaching problem solving through cooperative grouping*. Part 2: Designing problems and structuring groups. *American Journal of Physics* 60, 637-644.
2. Johnson, D.W., Johnson, R.T., and Smith, K.A. (2006). *Active learning: Cooperation in the university classroom* (3<sup>rd</sup> edition). Edina, MN: Interaction.
3. Johnson, D.W., Johnson, R.T., and Holubec, E.J. (2008). *Cooperation in the classroom* (8<sup>th</sup> edition). Edina, MN: Interaction.
4. Johnson, D.W., Johnson, R.T., and Smith, K.A. (2014). *Cooperative learning: Improving university instruction by basing practice on validated theory*. *Journal on Excellence in College Teaching* 25, 85-118.